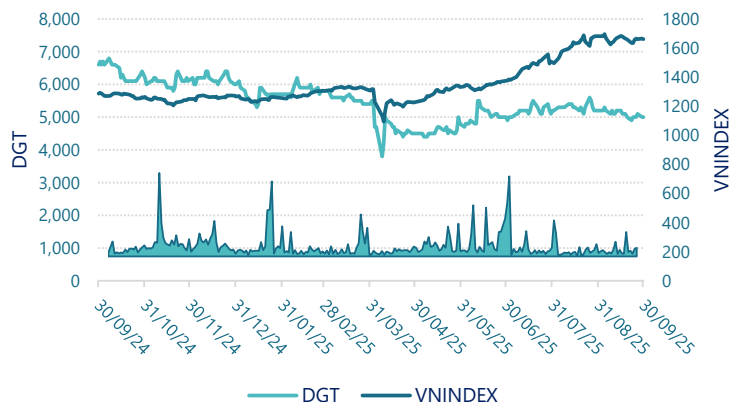




CTCP Công trình giao thông Đồng Nai (UPCOM: DGT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
SL cổ phiếu LH	79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	227,915
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	395
P/E	-39.9
EPS	-125

DT thuần

Q3/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.0 | 27.3%

YoY: ▲ 93.6 | 153%

LN sau thuế

Q3/25

1.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.8 | 108%

YoY: ▼ 0.14 | -10.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.8%

+/- YoY: ▼ 7.1%

DT thuần

9T 2025

323

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 105 | 48.1%

LN sau thuế

9T 2025

-16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 21.5 | -430%

ROE

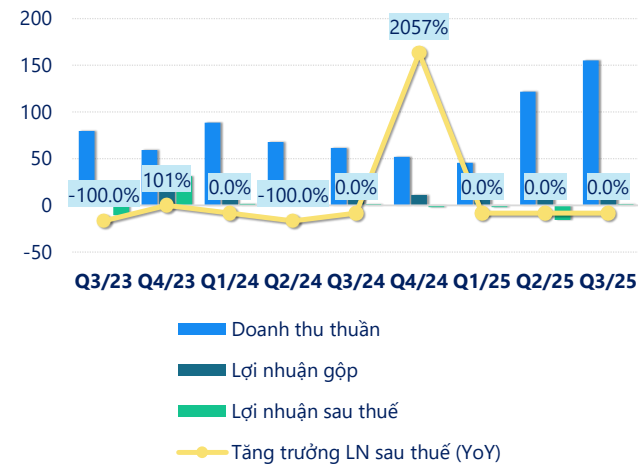
Q3/25

-1.0%

+/- YoY: ▼ 4.7%

tỷ VNĐ

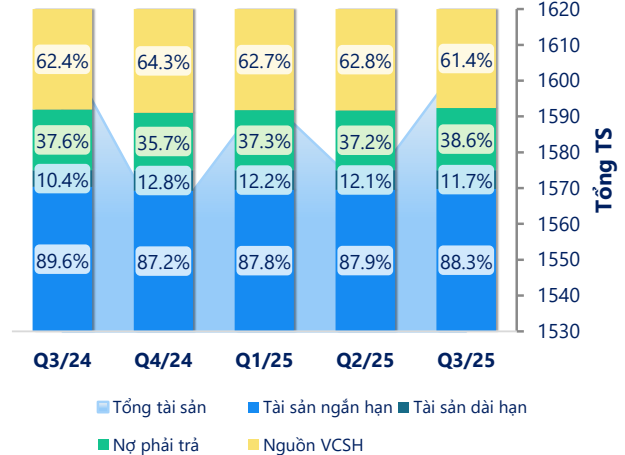
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

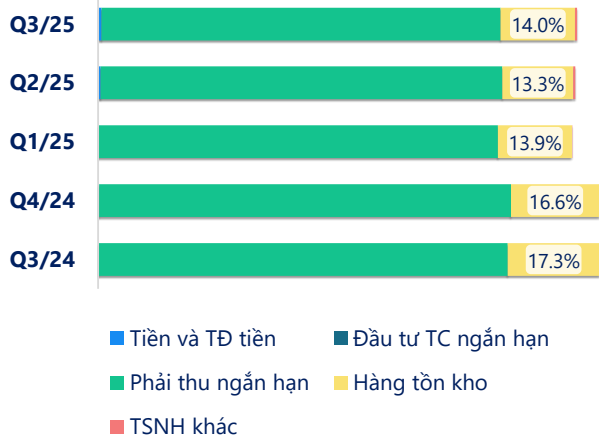
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



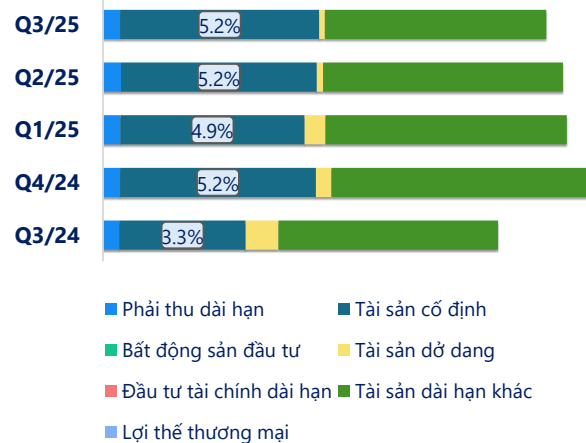
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

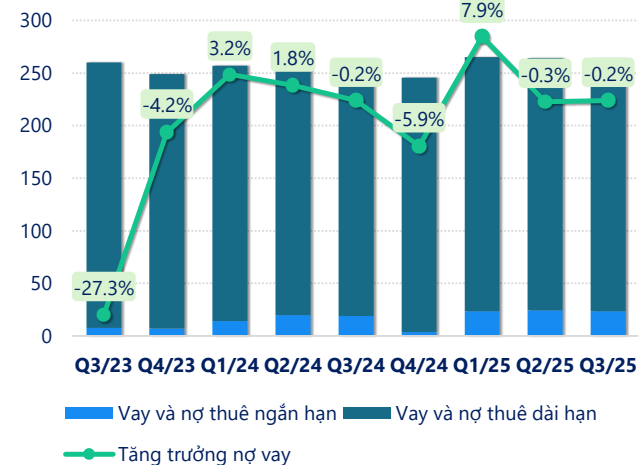
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

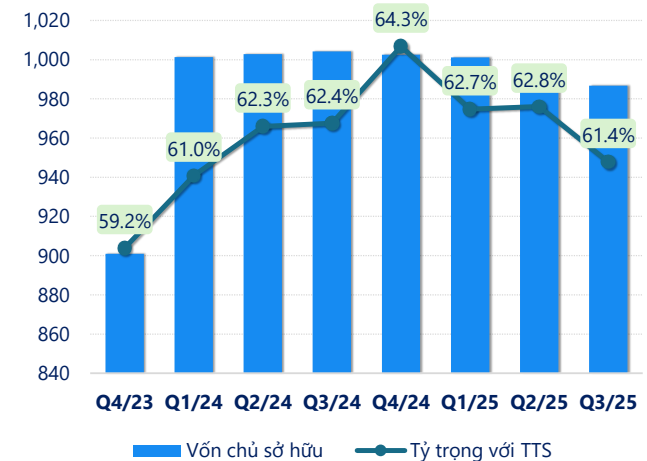
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

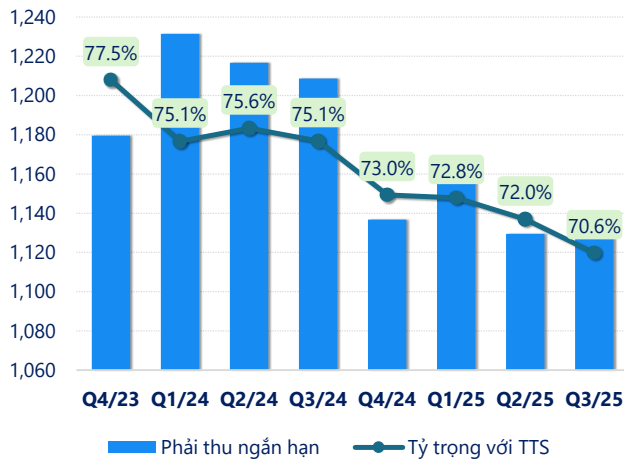
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



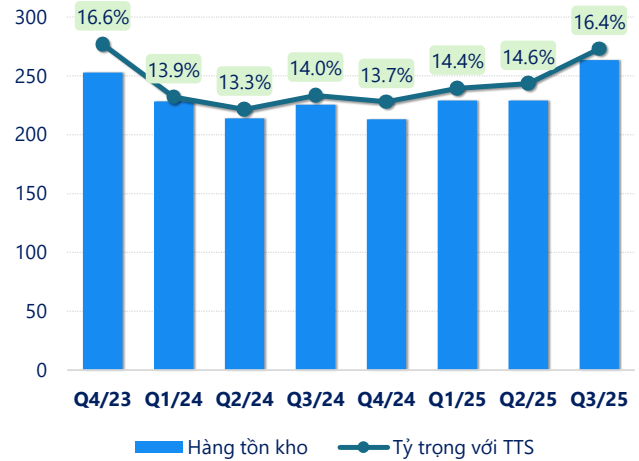
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


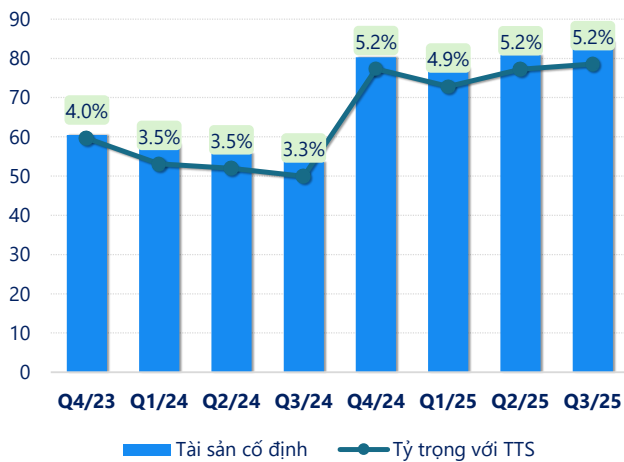
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


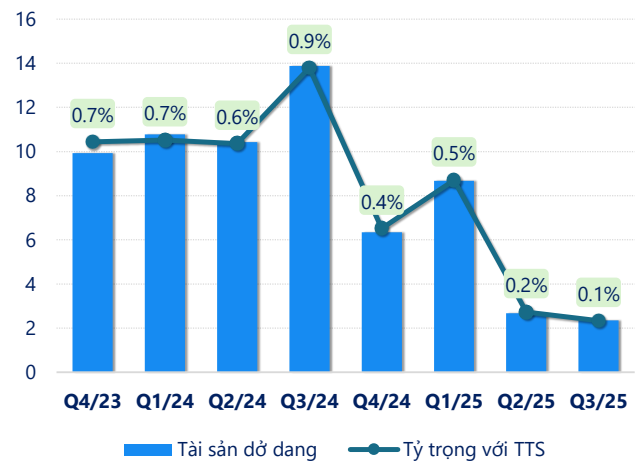
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

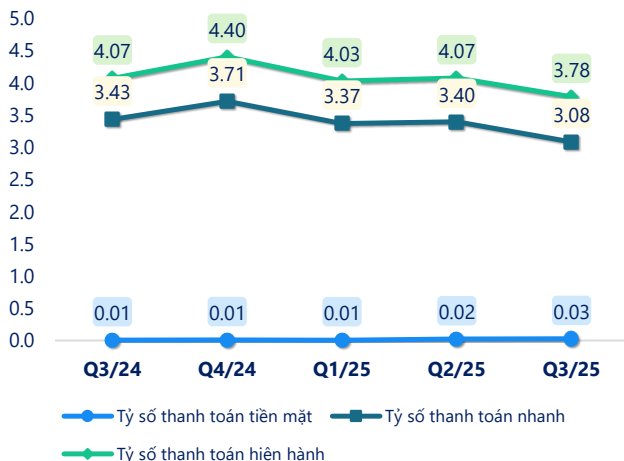
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

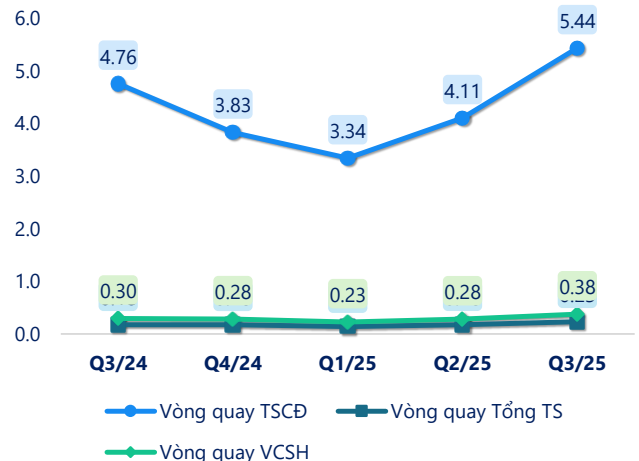
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,610	1,558	1,596	1,569	1,607
Tài sản ngắn hạn	1,442	1,359	1,401	1,379	1,420
Tiền và tương đương tiền	2.13	2.70	2.15	7.37	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,209	1,137	1,162	1,129	1,135
Hàng tồn kho	225	213	229	229	263
Tài sản ngắn hạn khác	6.04	6.30	7.35	13.2	10.8
Tài sản dài hạn	167	199	195	190	188
Phải thu dài hạn	6.94	7.02	7.27	7.48	7.31
Tài sản cố định	53.6	80.3	77.5	80.8	84.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.9	6.34	8.68	2.68	2.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	93.0	106	101	99.1	93.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	606	556	595	584	620
Nợ ngắn hạn	354	309	348	339	375
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.1	3.66	23.6	24.3	23.6
Phải trả người bán ngắn hạn	162	135	134	141	175
Nợ dài hạn	251	247	247	245	245
Vay và nợ thuê dài hạn	242	242	241	240	240
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,004	1,002	1,001	985	987
Vốn chủ sở hữu	1,004	1,002	1,001	985	987
Vốn điều lệ	790	790	790	790	790
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)